

Bản án số: **48/2019/ HNGĐ-ST**

Ngày 20/9/2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thân Hồng Giang
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thành Đô và ông Dương Minh Thiết.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn DL, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TV, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 02/4/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2012, chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn H1 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới, vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận và không bị ai ép buộc. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh H. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H hay chơi bời, ghen tuông vô cớ dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly

thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ ngày 10/10/2018. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/5/2012 và Nguyễn Đức H3, sinh ngày 13/02/2015. Hiện cả hai con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do chị đi làm công ty, nên cả 2 con đang ở với anh H1 cùng gia đình nhà chồng, nhưng chị vẫn thường xuyên thăm nom các con. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu Nguyễn Đức H3 vì cháu còn nhỏ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản*: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H1 đều không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Nguyễn Văn H1 được ông Nguyễn Văn H4 là bố đẻ của anh H1 cho biết: Năm 2012, chị H kết hôn với anh H1, sau đó chị H về chung sống với anh H1 và gia đình nhà chồng. Trong thời gian chung sống, gia đình thấy vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ thấy chị H đi làm xa về muộn nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2018, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị H xin ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh H1. Về con chung, chị H và anh H1 có hai con chung là Nguyễn Tuấn H2 và Nguyễn Đức H3. Hiện cả hai con chung đều ở với gia đình anh H1, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H1 và chị H mỗi người nuôi một con. Gia đình đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh H lên Tòa án làm việc. Gia đình cũng đã giao giấy triệu tập và thông báo lại cho anh H1 nhưng anh H1 không lên Tòa án làm việc. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã khai ở trên.

Anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/8/2019 và phiên tòa hôm nay không có lý do.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa*:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện VKSND huyện đề nghị HĐXX:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, tuyên xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2/ Về con chung: Giao chị H nuôi con chung Nguyễn Đức H3, sinh ngày 13/02/2015, còn anh H1 nuôi con chung Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/5/2012. Cấp dưỡng nuôi con không giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị buộc chị H phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Khi khởi kiện tại Tòa án, chị H đã gửi cho anh Nguyễn Văn H1 bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, song anh H1 không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án. Phiên tòa ngày 27/8/2019 và phiên tòa ngày hôm nay, anh H1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt các

văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh H1 theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H1.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của nguyên đơn cũng như xác minh tại địa phương, gia đình anh H1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được đã xác định chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 đã kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do đó quan hệ hôn nhân của chị H, anh H1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lời khai của nguyên đơn cũng như xác minh tại gia đình, địa phương cho thấy, sau khi kết hôn chị H về nhà anh H1 chung sống. Nhưng, khi về chung sống với nhau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2018, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ, không tâm gi đến nhau. Hội đồng xét xử thấy, trong thời gian sống chung vợ chồng chị H, anh H1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài từ năm 2018 đến nay. Việc này đã trái với các quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn H1.

[6] Về con chung: Chị H, anh H1 có hai con chung là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/5/2012 và Nguyễn Đức H3, sinh ngày 13/02/2015. Hiện cả hai cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với anh H1. Xét thấy, chị H có nguyện vọng được nuôi con thứ 2. HĐXX thấy: Chị H đang làm công nhân có thu nhập khoảng 09 triệu/01 tháng, có điều kiện nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H1 không lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình về vấn đề con chung. Tuy nhiên, qua lời khai của gia đình anh H1 và lời khai xác minh thì thấy anh H1 cũng có nguyện vọng được nuôi một con chung. Hiện anh H1 làm nghề lái xe, đang chung sống cùng với bố mẹ, anh có thu nhập và đủ điều kiện để nuôi con. Tòa án đã lấy lời

khai của cháu Nguyễn Tuấn H2 thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh H1. Vì vậy, cần giao cho chị H nuôi cháu Nguyễn Đức H3 vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, còn anh H1 nuôi cháu Nguyễn Tuấn H2 là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không đề nghị nên Tòa án cũng không giải quyết. Sau này, nếu các bên có tranh chấp và khởi kiện thì có thể được Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức H3, sinh ngày 13/02/2015, anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 27/5/2012.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3- Về tài sản: Không giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H, anh H1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H, anh H1 thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của đương sự và quy định của pháp luật.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007113 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Thân Hồng Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

